

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019	12 - 41

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk
Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán.

1. Khái quát về Công ty

Công ty TNHH Một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk (nay là Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk, gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Quản lý đô thị và Vệ sinh môi trường, được chuyển đổi thành Công ty TNHH Một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk theo Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 04/07/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh Đắk Lắk. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 6000179936 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 05/09/2008. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 06 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 25/06/2019.

Công ty chuyển đổi mô hình thành công ty cổ phần theo Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2016 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk; Quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 13/2/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh khoản 1, Điều 1 Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 17/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa đối với Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 6 ngày 25 tháng 6 năm 2019 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp, Công ty TNHH Một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk với vốn điều lệ là 66.200.000.000 VND. Theo giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần ngày 19 tháng 06 năm 2019 gửi Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk thì ngày bắt đầu hoạt động của Công ty Cổ phần là ngày 01/07/2019.

Ngày 23/10/2019 Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký chứng khoán và được cấp mã chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam với mã chứng khoán là UDL.

Vốn điều lệ: 66.200.000.000 đồng.

Vốn đầu tư chủ sở hữu đến thời điểm 31/12/2019: 66.200.000.000 đồng.

Trụ sở chính

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại: (0262) 3813047

Fax: (0262) 3813047

Lĩnh vực kinh doanh: Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó chủ yếu là: dịch vụ xây lắp và dịch vụ thug om vận chuyển, xử lý rác thải, trồng, chăm sóc cây xanh đô thị, điện chiếu sáng công cộng, xử lý nước thải, thoát nước mưa.

2. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết hoạt động công ích: Quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình công cộng, đô thị (bao gồm: Hệ thống đèn chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, các tuyến đường nội thành, vỉa hè, hệ thống thoát nước, hệ thống xử lý thoát nước

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐO THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk
Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019

thải, nghĩa trang, nhà tang lễ, lâm viên cảnh, hoa viên, công viên, tượng đài, bãi rác, cây xanh đường phố);

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công xây dựng công trình dân dụng, giao thông (cầu đường), xây lắp điện, sơn kẻ vạch đường;
- Sản xuất linh kiện điện tử. Chi tiết: Sản xuất biển báo giao thông;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác và sản xuất đá xây dựng, đá trang trí các loại;
- Sản xuất máy thông dụng khác. Chi tiết: Sản xuất dụng cụ, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý đô thị và vệ sinh môi trường đô thị;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ. Chi tiết: Sản xuất phân bón từ rác thải, phân vi sinh, các chế phẩm xử lý môi trường;
- Nhận và chăm sóc cây giống nông nghiệp. Chi tiết: Sản xuất giống cây xanh, hoa và cây cảnh các loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư thiết bị điện;
- Hợp đồng dịch vụ phục vụ tang lễ. Chi tiết: Dịch vụ mai táng, hỏa táng;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ vui chơi giải trí;
- Đại lý du lịch. Chi tiết: Dịch vụ du lịch;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh. Chi tiết: Trồng cây xanh, hoa, cây cảnh, cỏ thảm;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Duy tu, sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng công cộng, hệ thống thoát nước mưa, nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc và bảo quản cây xanh đường phố, công viên, tượng đài, rừng cảnh quan;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Dịch vụ tổ chức sự kiện;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác. Chi tiết: Dịch vụ hút hầm vệ sinh, rửa xe ô tô;
- Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết: Xử lý hệ thống nước thải, tưới tiêu trong nông nghiệp Trữ sở hoạt động.

3. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

3.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bỏ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Hà	Chủ tịch	16/05/2019	
Ông Bùi Văn Quý	Thành viên	16/05/2019	
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Thành viên	16/05/2019	
Ông Lê Đình Trung	Thành viên	16/05/2019	
Ông Ngô Văn Lũ	Thành viên	16/05/2019	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019

3.2 Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Văn Chính	Trưởng ban	16/05/2019	
Bà Phan Thị Thùy Phương	Thành viên	16/05/2019	
Bà Phan Lê Diễm Châu	Thành viên	16/05/2019	

4.2. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Bùi Văn Quý	Tổng Giám đốc	04/07/2019	
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Phó Tổng Giám đốc	04/07/2019	
Ông Lê Đình Trung	Phó Tổng Giám đốc	04/07/2019	
Bà Phạm Thị Thanh Sương	Phó Tổng Giám đốc	04/07/2019	
Ông Lê Nguyễn Vũ	Kế toán trưởng	04/07/2019	

4. Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Hà	Chủ tịch	16/05/2019	
Ông Bùi Văn Quý	Tổng Giám đốc	04/07/2019	

5. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 41.

6. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

7. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty. Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐO THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019

8. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

9. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019 đính kèm. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



BÙI VĂN QUÝ

Tổng Giám đốc

Đắk Lắk, Ngày 31 tháng 03 năm 2020



Số: 23/2020/BCKT/AUD-DNVVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 31 tháng 03 năm 2020, từ trang 08 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến ngoại trừ

Như trình bày tại Mục I.5 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đã chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/07/2019. Tuy nhiên, đến thời điểm này Công ty vẫn chưa tiến hành quyết toán vốn Nhà nước cho giai đoạn từ ngày 01/07/2017 (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp) đến ngày 30/06/2019 (ngày cuối cùng trước khi chính thức chuyển thành công ty cổ phần). Do đó, phần quyết toán vốn giai đoạn Nhà nước này có thể ảnh hưởng trên Bảng cân đối kế toán, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ (nếu có) có thể thay đổi khi có Quyết định phê duyệt chính thức của Cơ quan có thẩm quyền.

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đăk Lăk tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Mục I.6.2 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty có 01 đơn vị trực thuộc là Ban Quản lý dự án Thoát nước Thành phố Buôn Ma Thuột, nhằm theo dõi quản lý dự án “Mở rộng hệ thống thoát nước mưa, nước thải và đấu nối hộ gia đình trên địa bàn Thành phố Buôn Ma Thuột” do cơ quan phát triển Đan Mạch tài trợ, nên hạch toán kế toán và Báo cáo tài chính riêng, có con dấu và tài khoản riêng để hoạt động theo quy định của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Đăk Lăk tại Quyết định số 2332/1999/QĐ-UB ngày 17/09/1999 của UBND Tỉnh Đăk Lăk và các văn bản có liên quan. Vì vậy, chúng tôi lưu ý người đọc rằng, báo cáo tài chính này của Công ty cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019 không bao gồm số liệu của bộ phận này. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

TP. Đà Nẵng, ngày 31 tháng 03 năm 2020

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng- **VIETVALUES**



Lê Thị Thanh Kim - Giám đốc Chi nhánh

Giấy CNĐKHN số: 2896-2019-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Huỳnh Minh Hưng - Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN số: 3402-2020-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm (tại ngày 31/12/2019)	Số đầu năm (Tại ngày 01/07/2019)
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		80.221.678.156	82.701.020.545
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	55.714.467.629	58.432.905.280
111	1. Tiền		25.714.467.629	28.432.905.280
112	2. Các khoản tương đương tiền	V.2	30.000.000.000	30.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		22.921.714.640	22.239.287.421
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	20.390.870.246	18.836.813.564
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	443.443.990	2.186.849.090
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	2.242.055.510	1.215.624.767
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(154.655.106)	-
140	IV. Hàng tồn kho	V.7	1.406.702.945	1.600.693.620
141	1. Hàng tồn kho		1.406.702.945	1.600.693.620
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		178.792.942	428.134.224
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		178.792.942	22.954.204
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.14	-	405.180.020
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		957.862.781.859	1.003.068.249.487
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		148.230.418.887	153.041.021.160
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	148.230.418.887	153.041.021.160
222	- Nguyên giá		304.424.768.356	303.103.170.174
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(156.194.349.469)	(150.062.149.014)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.9	-	-
228	- Nguyên giá		208.000.000	208.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(208.000.000)	(208.000.000)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		808.480.367.244	849.260.980.063
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	808.480.367.244	849.260.980.063
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.151.995.728	766.248.264
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.11	1.151.995.728	766.248.264
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.038.084.460.015	1.085.769.270.032

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Bảng cân đối kế toán (riêng) (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm (tại ngày 31/12/2019)	Số đầu năm (Tại ngày 01/07/2019)
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		87.433.335.084	88.887.037.154
310	I. Nợ ngắn hạn		87.433.335.084	88.887.037.154
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	25.665.300.278	22.241.785.881
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13	2.211.951.912	1.401.337.912
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	918.696.351	4.155.047.051
314	4. Phải trả người lao động		6.967.140.901	8.849.861.836
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.15	187.000.000	346.340.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.16	40.508.790.913	40.882.608.494
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.17	10.974.454.729	11.010.055.980
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		950.651.124.931	996.882.232.878
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.18	69.588.061.936	66.200.000.000
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		66.200.000.000	66.200.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		66.200.000.000	66.200.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	V.19	3.388.061.936	-
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		3.388.061.936	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		881.063.062.995	930.682.232.878
431	1. Nguồn kinh phí		787.449.923.815	834.031.695.698
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		93.613.139.180	96.650.537.180
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.038.084.460.015	1.085.769.270.032

Người lập biểu



TRẦN THỊ THẢO

Kế toán trưởng



LÊ NGUYỄN VŨ

Buôn Ma Thuột, ngày 31 tháng 03 năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này (từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019)	Kỳ trước (từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019)
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	58.576.457.603	64.013.957.497
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		28.124.182	147.036.909
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		58.548.333.421	63.866.920.588
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	48.929.847.244	51.532.225.779
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		9.618.486.177	12.334.694.809
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	701.775.210	723.583.579
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.4	6.092.370.414	5.755.402.656
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.227.890.973	7.302.875.732
31	11. Thu nhập khác	VI.5	45.569.826	260.562.633
32	12. Chi phí khác	VI.6	15.093.466	452.864.658
40	13. Lợi nhuận khác		30.476.360	(192.302.025)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.258.367.333	7.110.573.707
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V. 7	870.305.397	2.004.164.604
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		3.388.061.936	5.106.409.103
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.8	512	
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.9	512	

Buôn Ma Thuột, ngày 31 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu



TRẦN THỊ THẢO

Kế toán trưởng



LÊ NGUYÊN VŨ



Tổng Giám Đốc

BÙI VĂN QUÝ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

ĐVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Kỳ này (từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019)	Kỳ trước (từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019)
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		60.755.603.558	79.306.768.455
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(16.250.857.971)	(15.744.554.605)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(29.568.404.620)	(36.242.154.351)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		-	-
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.14	(2.534.820.507)	(1.029.631.621)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		16.847.008.452	54.633.272.443
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(31.186.334.455)	(59.649.587.758)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.937.805.543)	21.274.112.563
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản		(1.465.918.182)	(28.077.400.667)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		686.049.337	636.418.282
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(779.868.845)	(27.440.982.385)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		(2.717.674.388)	(6.166.869.822)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		58.432.905.280	64.610.240.582
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(763.263)	(10.465.480)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	V.1	55.714.467.629	58.432.905.280

Người lập biểu

TRẦN THỊ THẢO

Kế toán trưởng

LÊ NGUYỄN VŨ

Buôn Ma Thuột, ngày 31 tháng 03 năm 2020

Tổng Giám Đốc



BÙI VĂN QUÝ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được chuyển đổi cổ phần hóa theo Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2016 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk; Quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 13/2/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh khoản 1, Điều 1 Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 17/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa đối với Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 6 ngày 25 tháng 6 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp, Công ty TNHH Một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk với vốn điều lệ là 66.200.000.000 VND. Theo giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần ngày 19 tháng 06 năm 2019 gửi Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk thì ngày bắt đầu hoạt động của Công ty Cổ phần là ngày 01/07/2019. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 6000179936 (được điều chỉnh lần thứ 6 ngày 25/06/2019 của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000179936 cấp ngày 05/09/2008) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó chủ yếu là: dịch vụ xây lắp và dịch vụ thu gom vận chuyển, xử lý rác thải, trồng, chăm sóc cây xanh đô thị, điện chiếu sáng công cộng, xử lý nước thải, thoát nước mưa.

3. Ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết hoạt động công ích: Quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình công cộng, đô thị (bao gồm: Hệ thống đèn chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, các tuyến đường nội thành, vỉa hè, hệ thống thoát nước, hệ thống xử lý thoát nước thải, nghĩa trang, nhà tang lễ, làm viên cảnh, hoa viên, công viên, tượng đài, bãi rác, cây xanh đường phố);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công xây dựng công trình dân dụng, giao thông (cầu đường), xây lắp điện, sơn kẻ vạch đường;
- Sản xuất linh kiện điện tử. Chi tiết: Sản xuất biển báo giao thông;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác và sản xuất đá xây dựng, đá trang trí các loại;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Sản xuất máy thông dụng khác. Chi tiết: Sản xuất dụng cụ, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý đô thị và vệ sinh môi trường đô thị;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ. Chi tiết: Sản xuất phân bón từ rác thải, phân vi sinh, các chế phẩm xử lý môi trường;
- Nhận và chăm sóc cây giống nông nghiệp. Chi tiết: Sản xuất giống cây xanh, hoa và cây cảnh các loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư thiết bị điện;
- Hợp đồng dịch vụ phục vụ tang lễ. Chi tiết: Dịch vụ mai táng, hỏa táng;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ vui chơi giải trí;
- Đại lý du lịch. Chi tiết: Dịch vụ du lịch;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh. Chi tiết: Trồng cây xanh, hoa, cây cảnh, cỏ thảm;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Duy tu, sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng công cộng, hệ thống thoát nước mưa, nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc và bảo quản cây xanh đường phố, công viên, tượng đài, rừng cảnh quan;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Dịch vụ tổ chức sự kiện;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác. Chi tiết: Dịch vụ hút hầm vệ sinh, rửa xe ô tô;
- Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết: Xử lý hệ thống nước thải, tưới tiêu trong nông nghiệp.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Từ ngày 01/07/2019, Công ty chính thức hoạt động dưới mô hình Công ty Cổ phần với pháp nhân mới là Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện nay Công ty vẫn chưa quyết toán vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần và chưa bàn giao tài sản và nguồn vốn từ Công ty TNHH Một thành viên sang Công ty cổ phần.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Hiện nay công ty có các bộ phận như sau:

6.1 Các đơn vị trực thuộc

STT	Tên	Địa chỉ	Hạch toán kế toán
1	Ban QLDA Thoát nước Buôn Ma Thuột	01 Đào Duy Từ, P Thống Nhất, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Độc lập

6.2 Ngoài ra, theo quyết định số 3223/1999/QĐ-UB ngày 17/09/1999 của UBND Tỉnh Đắk Lắk và các văn bản khác có liên quan, thì hiện nay, công ty có một đơn vị trực thuộc là BQLDA Thoát nước Buôn Ma Thuột. Bộ phận này là đơn vị sự nghiệp có thu (tự trang trải tiền lương và các chi phí khác), có khuôn dấu riêng, và mở tài khoản giao dịch để thực hiện tư vấn, quản lý dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 707 nhân viên đang làm việc. (Tại ngày 01/07/2019 là 738 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Riêng Báo cáo này được lập cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Theo đó, bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019 được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đèo Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 20
Máy móc thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải	05 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 – 06
Tài sản cố định hữu hình khác	02 - 04

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÓ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.
- Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản chiết khấu thương mại/giảm giá hàng bán/hàng bán bị trả lại.

15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, Giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán/chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc gi giảm giá vốn hàng bán.

16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính/chi phí cho vay và đi vay vốn/Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh/Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác/khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ/lỗ tỉ giá hối đoái

17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của công ty.

18. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Công ty giao dịch thanh toán.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng mà Công ty giao dịch thanh toán.

Tỷ giá mua chuyển khoản của các ngân hàng mà Công ty giao dịch tại 31/12/2019 như sau:

Tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Đắk Lắk tại 31/12/2019 là 23.107 VND/USD

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	Số cuối năm		Số đầu năm	
- Tiền mặt tại quỹ		70.095.982		958.714.327
- Tiền gửi ngân hàng		25.644.371.647		27.474.190.953
+ Vietcombank - CN Đắk Lắk (VND)		23.671.911.658		21.523.491.953
+ Vietin - CN Đắk Lắk (VND)		1.248.400.277		2.298.558.355
+ Kho bạc Nhà nước Đắk Lắk (VND)		715.426.706		2.691.276.145
+ Agribank - CN Đắk Lắk (VND)		-		917.039.231
+ Ngân hàng TMCP Công thương VN CN Đắk Lắk (USD)	373,61 #	8.633.006	1.885,12 #	43.825.269
Cộng		25.714.467.629		28.432.905.280

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

2. Tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	12.000.000.000	15.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Đắk Lắk	3.000.000.000	6.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Đắk Lắk	9.000.000.000	9.000.000.000
Tiền gửi kỳ hạn 2 tháng	5.000.000.000	5.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đắk Lắk	5.000.000.000	5.000.000.000
Tiền gửi kỳ hạn 3 tháng	13.000.000.000	10.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Đắk Lắk	13.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	30.000.000.000	30.000.000.000

3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Xem thuyết minh số VII.1c)	-	-
Phải thu khách hàng là các đối tượng khác	20.390.870.246	18.836.813.564
Phòng quản lý đô thị	14.138.903.962	11.989.975.962
Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	942.032.736	945.029.736
Phòng Tài chính KH Thành Phố	2.389.834.000	2.191.514.000
Các đối tượng khác	2.920.099.548	3.710.293.866
Cộng	20.390.870.246	18.836.813.564

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Xem thuyết minh số VII.1c)	-	-
Trả trước cho người bán là các đối tượng khác	443.443.990	2.186.849.090
Ban bồi thường giải phóng mặt bằng	-	1.888.708.000
Phạm Vĩnh Nguyên	98.669.201	98.669.201
Công ty TNHH MTV Xây dựng Trí Tin	57.282.000	57.282.000
Các đối tượng khác	287.492.789	142.189.889
Cộng	443.443.990	2.186.849.090

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÓ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

5. Phải thu khác ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác là các bên liên quan				
(xem thuyết minh VII.1c)	8.290.000	-	-	-
Công ty TNHH XDCĐ Hoàng Nam	8.290.000	-	-	-
Phải thu khác là các đối tượng khác	2.233.765.510		1.215.624.767	
Lãi dự thu	102.891.170	-	87.165.297	-
Tạm ứng	597.789.398	-	179.587.356	-
Phải thu nhân viên về BHXH	790.941.323	-	-	-
Thu lại tiền thưởng ban QLĐH	190.500.000	-	-	-
Công ty TNHH XDCĐ Hoàng Nam	-	-	124.117.950	-
TT phát triển quỹ đất TP BMT	390.670.000	-	390.670.000	-
		-	-	-
Phải thu khác	160.973.619	-	434.084.164	-
Cộng	2.242.055.510	-	1.215.624.767	-

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	154.655.106	-
Cộng	154.655.106	-

Tình hình tăng giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi ngắn hạn

	Kỳ này (Từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019)	Kỳ trước (Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019)
Số dư đầu năm	-	130.715.053
Tăng trong năm	154.655.106	-
Hoàn nhập trong năm	-	(130.715.053)
Cộng	154.655.106	-

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	214.160.395	-	314.757.162	-
Công cụ, dụng cụ	69.799.704	-	24.596.323	-
Chi phí SX, KD dở dang	1.122.742.846	-	1.261.340.135	-
Cộng	1.406.702.945	-	1.600.693.620	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Nguyên vật liệu là dầu diesel, nhớt, các vật tư dùng để xây dựng mộ, bóng đèn, tụ điện, ống nước và một số vật liệu khác.
- Công cụ dụng cụ là thùng rác, chổi quét rác
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là giá trị xây dựng dở dang các công trình xây dựng mộ chưa hoàn thành tại 31/12/2019.
- Cuối kỳ, Công ty không có hàng tồn kho kém mất phẩm chất, ứ đọng tại ngày 31/12/2019
- Công ty không có hàng tồn kho thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	204.096.322.388	37.561.944.524	60.035.296.575	1.378.246.687	31.360.000	303.103.170.174
Mua sắm trong năm	-	-	1.295.918.182	-	170.000.000	1.465.918.182
Giảm khác	-	-	-	(144.320.000)	-	(144.320.000)
Số cuối năm	204.096.322.388	37.561.944.524	61.331.214.757	1.233.926.687	201.360.000	304.424.768.356
Trong đó:						
- TSCĐ dùng kinh doanh	20.876.348.062	33.290.772.524	57.903.930.757	1.233.926.687	201.360.000	113.506.338.030
- TSCĐ dùng công ích	178.643.107.326	4.271.172.000	1.992.101.000	-	-	184.906.380.326
- TSCĐ dùng phúc lợi	4.576.867.000	-	1.435.183.000	-	-	6.012.050.000
Khấu hao						
Số đầu năm	91.565.231.075	11.750.532.619	45.612.889.088	1.102.136.232	31.360.000	150.062.149.014
Khấu hao trong năm	3.283.791.500	1.337.466.500	1.541.071.000	39.503.455	14.167.000	6.215.999.455
Giảm khác	-	-	-	(83.799.000)	-	(83.799.000)
Số cuối năm	94.849.022.575	13.087.999.119	47.153.960.088	1.057.840.687	45.527.000	156.194.349.469
Trong đó:						
- TSCĐ dùng kinh doanh	7.829.556.675	9.251.552.119	45.523.507.088	1.057.840.687	45.527.000	63.707.983.569
- TSCĐ dùng công ích	86.353.816.900	3.836.447.000	970.269.000	-	-	91.160.532.900
- TSCĐ dùng phúc lợi	665.649.000	-	660.184.000	-	-	1.325.833.000
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	112.531.091.313	25.811.411.905	14.422.407.487	276.110.455	-	153.041.021.160
Số cuối năm	109.247.299.813	24.473.945.405	14.177.254.669	176.086.000	155.833.000	148.230.418.887
Trong đó:						
- TSCĐ dùng kinh doanh	13.046.791.387	24.039.220.405	12.380.423.669	176.086.000	155.833.000	49.798.354.461
- TSCĐ dùng công ích	92.289.290.426	434.725.000	1.021.832.000	-	-	93.745.847.426
- TSCĐ dùng phúc lợi	3.911.218.000	-	774.999.000	-	-	4.686.217.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là 53.945.662.789 đồng.

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết chờ thanh lý tại ngày 31/12/2019 là 0 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đang cầm cố, thế chấp các khoản nợ vay tại 31/12/2019 là 0 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình máy móc thiết bị tạm thời chưa sử dụng tại 31/12/2019 là 14.398.722.586 đồng.

Trong tổng nguyên giá của Tài sản cố định tại ngày 30/06/2019 bao gồm giá trị của 09 xe chuyên dùng do UBND tỉnh Đắk Lắk tạm giao cho Công ty quản lý và sử dụng theo Công văn số 1582/UBND-KT ngày 01/3/2018 của UBND Tỉnh Đắk Lắk về việc tạm giao tài sản cho Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk quản lý và sử dụng. Công ty đang ghi nhận tăng giá trị tài sản cố định hữu hình và phải trả khác với số tiền là 32.928.110.482 đồng. Chi tiết:

STT	Tên TSCĐ	Biển kiểm soát	Nguyên giá đã có thuế	Giá trị khấu hao	Giá trị còn lại
I	Máy móc, thiết bị		22.217.357.133	814.441.000	21.402.916.133
1	Máy đầm rác Caterpillar		8.798.483.699	-	8.798.483.699
2	Máy ủi bánh xích Caterpillar	47XA-1047	7.818.634.547	814.441.000	7.004.193.547
3	Máy đào bánh xích Caterpillar	47XA-1048	5.600.238.887	-	5.600.238.887
II	Phương tiện vận tải		10.710.753.349	1.800.234.000	8.910.519.349
1	Xe xi téc chở nước HINO	47C-15599	1.702.083.108	206.141.000	1.495.942.108
2	Xe tải ben tự đổ	47C-15650	2.143.079.465	259.551.000	1.883.528.465
3	Xe cuốn ép rác 9m ³	47C-15655	1.647.059.493	364.502.000	1.282.557.493
4	Xe cuốn ép rác 9m ³	47C-15642	1.647.059.493	298.002.000	1.349.057.493
5	Xe cuốn ép rác 9m ³	47C-15640	1.647.059.493	247.019.000	1.400.040.493
6	Xe cuốn ép rác 15m ³	47C-15575	1.924.412.297	425.019.000	1.499.393.297
Cộng			32.928.110.482	2.614.675.000	30.313.435.482

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	208.000.000	208.000.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	208.000.000	208.000.000
Khấu hao		
Số đầu năm	208.000.000	208.000.000
Khấu hao trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	208.000.000	208.000.000
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	-	-
Số cuối năm	-	-

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là 208.000.000 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đang cầm cố, thế chấp các khoản nợ vay tại 31/12/2019 là 0 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản	808.480.367.244	849.260.980.063
- Bãi chôn chất thải rắn	6.341.692.000	6.341.692.000
- CT xây dựng tiểu hoa viên góc Ngô gia tự- Tôn đức thắng	3.604.485.000	3.604.485.000
- CT công viên Tân Thành (Công viên Sơn La) thành phố Buôn Ma Thuột	6.024.313.000	6.024.313.000
- CT Hỗ trợ di dời mộ tại Ngõa trang Phan Bội Châu	-	11.536.921.040
- Công trình Cải tạo nâng cấp HT mương thoát nước phường Tân Tiến	42.661.620.699	41.918.519.000
- CT cải tạo vỉa hè đường Đinh Tiên Hoàng	1.958.402.000	1.947.375.000
- CT mở rộng nâng cấp đường y nông đoạn từ MXT đến TLI	23.952.102.059	23.952.102.059
- CT đường vào Viện KHCN nông lâm nghiệp Tây Nguyên	20.511.243.040	20.511.243.040
- CT Đường liên khối 6 P. Khánh Xuân	15.222.608.000	15.222.608.000
- Thâm BTN 06 trục đường nội thành	26.020.410.000	25.348.882.000
- Công trình đường đi thôn 8 xã Cư ẻ bua	17.413.000.000	16.319.267.662
- CT quy hoạch bãi chôn lấp CTR tại phía nam TP BMT (Hòa Phú)	218.855.268.710	216.581.159.246
- CT mở rộng, nâng cấp đường Trần Quý cáp (đoạn Ywang - NV cũ)	292.028.898.736	287.748.230.016
- Thâm BTN một số tuyến đường thành phố BMT (50 tuyen)	66.290.500.000	66.093.638.000
- Xây dựng mở rộng Nghĩa trang TP	60.786.961.000	60.686.961.000
- CT Hệ thống điện CS đường vành đai phía tây	-	38.644.897.000
- Công viên Sơn La TP Buôn Ma Thuột (giai đoạn 2)	6.808.863.000	6.778.687.000
Cộng	808.480.367.244	849.260.980.063

Giá trị đầu tư tài sản đã dùng thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2019 là 0 đồng.

Toàn bộ các công trình đầu tư xây dựng cơ bản dở dang ở trên đây là giá trị đầu tư từ nguồn kinh phí sự nghiệp cấp, không phải là tài sản kinh doanh của công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	714.695.169	220.627.743
- Chi phí sửa chữa tài sản chờ phân bổ	411.308.437	536.470.237
- Chi phí trả trước dài hạn khác chờ phân bổ	25.992.122	9.150.284
Cộng	1.151.995.728	766.248.264

Tình hình tăng giảm chi phí trả trước

	Kỳ này (Từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019)	Kỳ trước (Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019)
Số dư đầu năm	766.248.264	579.018.103
Tăng trong năm	1.417.249.332	1.069.259.299
Phân bổ trong năm	(1.031.501.868)	(882.029.138)
Số dư cuối năm	1.151.995.728	766.248.264

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thuyết minh số VII.1.c)	12.151.110.000	-
Phải trả người bán là các đối tượng khác	13.514.190.278	22.241.785.881
Công Ty TNHH An Nguyên	8.152.055.000	8.152.055.000
Công ty TNHH XDCĐ Hoàng Nam	-	9.588.059.000
Công ty TNHH Phương Đông	2.043.031.600	1.563.157.600
Các đối tượng khác	3.319.103.678	2.938.514.281
Cộng	25.665.300.278	22.241.785.881

Tại ngày 31/12/2019 không có khoản nợ phải trả nào đến hạn trả nhưng chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (Xem thuyết minh số VII.1c)	-	-
Người mua trả tiền trước là các đối tượng khác	2.211.951.912	1.401.337.912
Công ty TNHH MTV MT	331.808.912	331.808.912
Các đối tượng khác	1.880.143.000	1.069.529.000
Cộng	2.211.951.912	1.401.337.912

14. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước

	Số dư đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số dư cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	88.939.505	599.234.143	3.001.189.053	2.840.491.189	-	670.992.502
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	-	1.891.963.518	876.469.034	2.534.820.507	-	233.612.045
Thuế thu nhập cá nhân	-	27.931.390	91.271.509	105.111.095	-	14.091.804
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	316.240.515	-	316.240.515	-	-	-
Các loại thuế khác	-	139.671.318	-	139.671.318	-	-
Phí và lệ phí	-	1.496.246.682	-	1.496.246.682	-	-
Cộng	405.180.020	4.155.047.051	4.285.170.111	7.116.340.791	-	918.696.351

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các hoạt động áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

(*) Trong tổng số thuế TNDN phải nộp phát sinh trong năm bao gồm 6.163.637 đồng là thuế TNDN phải nộp cho nhà nước từ tiền cho thuê nhà vệ sinh lưu động là tài sản công ích do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk giao Công ty quản lý sử dụng, Số tiền này sau khi nộp 20% thuế TNDN, Công ty chuyển trả về cho Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được xác định như sau:

	Kỳ này (Từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019)	Kỳ trước (Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.258.367.333	7.110.573.707
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	93.159.650	856.578.888
Điều chỉnh tăng	93.159.650	856.578.888
- Phạt vi phạm hành chính, thuế bị truy thu	5.559.650	344.060.251
- Các khoản chi phí không được trừ	-	464.720.455
- Tiền thu cho thuê mặt bằng đã nộp về ngân sách	-	47.798.182
- Thủ lao HDQT, BKS không trực tiếp điều hành	87.600.000	-
Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	4.351.526.983	7.967.152.595
Thuế TNDN	870.305.397	2.004.164.604
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	870.305.397	1.593.430.519
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	410.734.085
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	870.305.397	2.004.164.604

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các diện tích đất đang sử dụng bao gồm đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp, đơn giá thuê đất ở mỗi địa bàn khác nhau có giá khác nhau.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Trích trước phụ cấp độc hại	-	247.340.000
- Chi phí kiểm toán	187.000.000	99.000.000
Cộng	187.000.000	346.340.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

16. Phải trả khác ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả khác các bên liên quan	-	-
Phải trả khác các đối tượng khác	40.508.790.913	40.882.608.494
- Phải trả về cổ phần hóa (*)	6.843.152.882	6.843.152.882
- Kinh phí công đoàn	75.511.387	133.511.833
- Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	173.305.791	567.581.160
- Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk (**)	32.928.110.482	32.928.110.482
- Tạm ứng	235.867.895	-
- Phải trả khác	252.842.476	410.252.137
Cộng	40.508.790.913	40.882.608.494

(*) Trong kỳ, Công ty đã thực hiện điều chỉnh vốn điều lệ theo phương án cổ phần hóa và chuyển thành Công ty cổ phần đã được phê duyệt theo Quyết định số 3513/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Ủy Ban nhân dân Tỉnh Đắk Lắk. Theo đó, sau khi Công ty ghi nhận tăng đủ số vốn điều lệ của Công ty sau cổ phần hóa là 66.200.000.000 VND, phần giá trị còn lại 6.798.170.162 đồng được kết chuyển thành một khoản phải trả cổ phần hóa cho chủ sở hữu. Đồng thời trong tổng số dư phải trả về cổ phần hóa này bao gồm chênh lệch các khoản phải thu – phải trả liên quan đến quá trình cổ phần hóa của Công ty như các khoản chi phí cổ phần hóa, chi chế độ lao động dôi dư, thu tiền bán cổ phần. Tại thời điểm lập báo cáo này các khoản thu chi trên chưa có sự phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền. Giá trị này có thể được điều chỉnh lại khi có phê duyệt cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền.

(**) Đây là giá trị của 09 xe chuyên dùng do UBND tỉnh Đắk Lắk tạm giao cho Công ty quản lý và sử dụng theo Công văn số 1582/UBND-KT ngày 01/3/2018 của UBND Tỉnh Đắk Lắk về việc tạm giao tài sản cho Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk quản lý ghi tăng tài sản cố định và phải trả khác với giá trị là 32.928.110.482 đồng. (Tham chiếu thuyết minh số V.8).

(*) Chi tiết số dư phải trả về cổ phần hóa

Vốn Nhà nước tại 30/06/2017 (thời điểm định giá):	78.676.833.039
Giá trị Vốn Nhà nước phát sinh sau định giá đến thời điểm cổ phần (Từ 01/07/2017 đến 30/06/2019)	(5.678.662.877)
- Lợi nhuận sau thuế cho giai đoạn từ 01/07/2017 đến 30/06/2019	15.268.333.753
- Giá trị tài sản dùng cho hoạt động sự nghiệp chuyển sang kinh doanh	273.311.000
- Giá trị tài sản sân bãi đồ xe	873.577.000
- Chênh lệch tỷ giá	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(12.407.651.041)
- Trích quỹ khen thưởng ban quản lý điều hành	(248.490.000)
- Lợi nhuận nộp về ngân sách Nhà nước	(1.496.246.682)
- Giá trị tài sản dùng cho kinh doanh chuyển sang hoạt động sự nghiệp	(7.054.022.907)
- Mua 10 nhà vệ sinh di động dùng cho hoạt động sự nghiệp	(887.474.000)
Vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần	(66.200.000.000)
Chi phí cổ phần hóa giữ lại chi không hết phải nộp về Nhà nước	44.982.720
Phải trả về cổ phần hóa tại 31/12/2019	6.843.152.882

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ khen thưởng	2.364.238.630	2.364.252.669
Quỹ phúc lợi	3.923.999.099	4.045.718.311
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	4.686.217.000	4.848.585.000
Quỹ thường ban quản lý, điều hành	-	(248.500.000)
Cộng	10.974.454.729	11.010.055.980

18. Vốn chủ sở hữu**18 a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/07/2019	66.200.000.000	-	-	66.200.000.000
Tăng trong năm	-	-	3.388.061.936	3.388.061.936
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2019	66.200.000.000	-	3.388.061.936	69.588.061.936

18 b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn góp	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn góp
Ủy Ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk	36,00%	23.832.000.000	100,00%	66.200.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Cầu đường Hoàng Nam	34,89%	23.097.000.000	0,00%	-
Ngô Văn Lui	10,00%	6.620.000.000	-	-
Các cổ đông khác	19,11%	12.651.000.000	0,00%	-
Cộng	100%	66.200.000.000	100%	66.200.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

18 c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Kỳ này (Từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019)	Kỳ trước (Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	66.200.000.000	75.814.321.669
- Vốn góp tăng trong năm	-	273.311.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	(9.887.632.669)
- Vốn góp cuối năm	66.200.000.000	66.200.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

19 d. Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.620.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	6.620.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.620.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.620.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.620.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000

19 e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Kỳ này (Từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019)	Kỳ trước (Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019)
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	-	6.751.917.379
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ	3.388.061.936	5.106.409.103
Phân phối lợi nhuận	-	11.858.326.482
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	6.453.384.379
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	4.935.450.400
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	1.517.933.979
Phân phối lợi nhuận năm nay	-	5.404.942.103
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	2.349.543.000
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	1.559.152.421
- Lợi nhuận còn lại nộp về Nhà nước	-	1.496.246.682
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.388.061.936	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

19. Tài khoản ngoài bảng**a. Ngoại tệ các loại**

	Ngoại tệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại	USD	373,61	1.885,12

b. Tài sản nhận giữ hộ

Tài sản nhận giữ hộ là các tài sản bỏ ra khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, hiện Công ty vẫn đang quản lý chưa bàn giao về cho cơ quan nhà nước, cụ thể:

Chỉ tiêu	Số cuối năm		
Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
- Máy móc thiết bị	1.050.235.000	1.050.235.000	-
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	267.000.000	267.000.000	-
Cộng	1.317.235.000	1.317.235.000	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VND)**1. Doanh thu**

	Kỳ này (Từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019)	Kỳ trước (Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019)
Doanh thu bán hàng hóa	57.809.085	978.075.520
Doanh thu cung cấp dịch vụ	48.474.031.262	51.696.719.229
Doanh thu hợp đồng xây dựng	10.044.617.256	11.339.162.748
Cộng	58.576.457.603	64.013.957.497

2. Giá vốn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	Kỳ này (Từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019)	Kỳ trước (Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019)
Giá vốn của hàng hóa đã bán	42.640.255	502.871.860
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	39.791.878.474	40.945.871.101
Giá vốn của hoạt động xây lắp	9.095.328.515	10.083.482.818
Cộng	48.929.847.244	51.532.225.779

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này (Từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019)	Kỳ trước (Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	701.775.210	723.583.579
Cộng	701.775.210	723.583.579

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này (Từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019)	Kỳ trước (Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019)
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	19.466.755	152.476.765
Chi phí nhân viên quản lý	3.154.984.029	3.463.588.716
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	257.799.500	104.949.500
Dự phòng nợ phải thu	154.655.106	-
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu	-	(130.715.053)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	672.483.160	526.334.255
Chi phí khác bằng tiền	1.832.981.864	1.638.768.473
Cộng	6.092.370.414	5.755.402.656

5. Thu nhập khác

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	Kỳ này (Từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019)	Kỳ trước (Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019)
Thu thanh lý, nhượng bán TSLĐ	-	32.030.454
Thu bồi thường	32.655.000	32.938.000
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	2.005.735	-
Thu nhập khác	10.909.091	195.594.179
Cộng	45.569.826	260.562.633

6. Chi phí khác

	Kỳ này (Từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019)	Kỳ trước (Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019)
Các khoản phạt và truy thu thuế	5.559.650	344.060.251
Chi phí sửa chữa điện hỏng đã được bồi thường	-	27.082.000
Các khoản khác	9.533.816	81.722.407
Cộng	15.093.466	452.864.658

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này (Từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019)	Kỳ trước (Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.608.505.634	13.527.328.487
Chi phí nhân công	35.391.069.300	34.320.751.095
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.016.233.455	2.406.784.571
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.973.755.820	2.011.617.068
Chi phí khác bằng tiền	3.796.022.519	4.726.484.965
Cộng	54.785.586.728	56.992.966.186

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	Kỳ này (Từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.388.061.936
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-
- Điều chỉnh tăng	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.388.061.936
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	6.620.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	512

9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này (Từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.388.061.936
dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-
- Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.388.061.936
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	6.620.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	512

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các bên liên quan****a. Các bên liên quan**

Tên Công ty	Mối quan hệ
Công ty TNHH Xây dựng Cầu đường Hoàng Nam	Cổ đông lớn chiếm 34,89% vốn điều lệ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Nghiệp vụ với các bên có liên quan**b.1 Các giao dịch mua bán khác**

Tên Công ty	Giao dịch	Kỳ này
		(Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019)
Mua hàng		
Công ty TNHH Xây dựng Cầu đường Hoàng Nam	Mua vật tư	288.800.000
	Dịch vụ xây lắp	2.245.271.000

c. Số dư với các bên liên quan

Tên Công ty	31/12/2019	01/07/2019
Nợ phải thu khác ngắn hạn		
Công ty TNHH Xây dựng Cầu đường Hoàng Nam	8.290.000	124.117.950
Phải trả người bán		
Công ty TNHH Xây dựng Cầu đường Hoàng Nam	12.151.110.000	9.588.059.000

d. Thu nhập của Ban điều hành

	Kỳ này
	(Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019)
Tiền lương	698.278.000
Phụ cấp, thù lao	90.600.000
Cổ tức	-
Cộng	788.878.000

2. Báo cáo bộ phận

- Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý
Doanh thu giá vốn của Công ty theo khu vực địa lý chỉ phát sinh trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.
- Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

STT	Nội dung	Kỳ này (Từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019)	Kỳ trước (Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019)
1.	Doanh thu	58.576.457.603	64.013.957.497
	Doanh thu bán hàng hóa	57.809.085	978.075.520
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	48.474.031.262	51.696.719.229
	Doanh thu hợp đồng xây dựng	10.044.617.256	11.339.162.748
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	28.124.182	147.036.909
	Giảm giá hàng bán dịch vụ	11.164.182	52.387.909
	Giảm giá hàng bán xây dựng	16.960.000	94.649.000
2.	Giá vốn	48.929.847.244	51.532.225.779
	Giá vốn của hàng hóa đã bán	42.640.255	502.871.860
	Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	39.791.878.474	40.945.871.101
	Giá vốn của hoạt động xây lắp	9.095.328.515	10.083.482.818
3.	Lãi gộp	9.618.486.177	12.334.694.809
	Bán hàng hóa	15.168.830	475.203.660
	Cung cấp dịch vụ	8.670.988.606	10.698.460.219
	Hợp đồng xây dựng	932.328.741	1.161.030.930

3. Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Số liệu kỳ trước trên Báo cáo kết quả hoạt động và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019, chỉ có tính chất tham khảo, không thể so sánh được vì không cùng kỳ so sánh.

4. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính

Đắk Lắk, ngày 31 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu


TRẦN THỊ THẢO

Kế toán trưởng


LÊ NGUYỄN VŨ

Tổng Giám đốc



